

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP

Trụ sở chính: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655

Fax: 0274 3822 713

Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655

Fax: 0274 3822 713

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h theo yêu cầu khác

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2018 tổng hợp và Báo cáo tài chính quý 2 năm 2018 hợp nhất của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 30/7/2018 tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục *thông tin doanh nghiệp - công bố thông tin*.

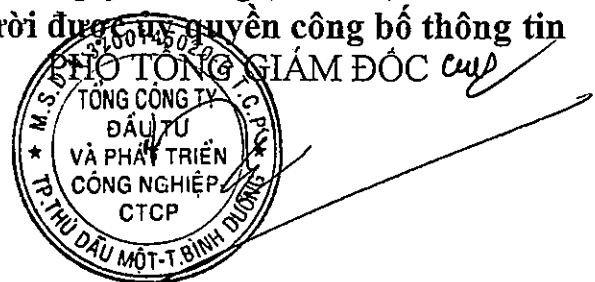
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC quý 2 2018

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

Người được ủy quyền công bố thông tin



NGUYỄN VĂN HOÀNG

Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp CTCP

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÍ II NĂM 2018**

Kính gửi :

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2018

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35,234,444,940,473	34,082,805,472,662
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,191,986,869,505	2,357,573,195,019
1. Tiền	111		777,240,020,975	100,925,246,500
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,414,746,848,530	2,256,647,948,519
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		263,455,850,645	263,455,850,645
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		263,455,850,645	263,455,850,645
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12,837,587,294,170	12,813,436,387,846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7,576,539,447,528	7,927,971,360,126
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	771,097,167,358	712,650,078,200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây c	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		25,500,000,000	25,500,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4,463,738,846,836	4,146,603,117,072
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		711,832,448	711,832,448
IV. Hàng tồn kho	140		19,908,260,392,871	18,585,401,882,227
1. Hàng tồn kho	141	V.7	19,908,260,392,871	18,585,401,882,227
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33,154,533,282	62,938,156,925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3,970,585,923	10,895,472,466
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			7,810,074,141
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	29,183,947,359	44,232,610,318
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10,207,484,172,951	9,378,691,346,528
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,678,286,958,458	1,681,472,308,564
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1,678,286,958,458	1,681,472,308,564
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		312,066,595,601	217,110,848,863
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	283,207,168,628	187,548,881,625
- Nguyên giá	222		687,215,588,377	574,267,728,881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(404,008,419,749)	(386,718,847,256)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	28,859,426,973	29,561,967,238
- Nguyên giá	228		38,929,691,170	38,929,691,170
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,070,264,197)	(9,367,723,932)
III. Bất động sản đầu tư	230		530,496,190,222	562,912,779,722
- Nguyên giá	231		569,691,468,328	601,357,520,117
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(39,195,278,106)	(38,444,740,395)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16,906,390,507	16,734,490,507
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	16,906,390,507	16,734,490,507
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7,664,770,317,686	6,895,340,867,686
1. Đầu tư vào công ty con	251		2,291,763,963,000	2,291,763,963,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5,444,217,673,547	4,674,788,223,547
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	52,763,530,000	52,763,530,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(123,974,848,861)	(123,974,848,861)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,957,720,477	5,120,051,186
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4,957,720,477	5,120,051,186
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45,441,929,113,424	43,461,496,819,190

: 45
 SỔ CÁI
 ĐAI
 PH
 U DAI

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		35,336,411,028,133	33,713,972,021,355
I. Nợ ngắn hạn	310		22,941,286,424,180	23,190,521,635,476
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	631,025,787,168	730,435,535,324
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1,808,018,649,794	1,024,455,509,044
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	98,934,501,596	9,454,248,610
4. Phải trả người lao động	314	V.15	26,834,388,811	27,537,230,273
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	12,936,432,525,629	13,170,703,227,285
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	627,534,501	3,670,579,836
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	1,276,527,841,776	1,304,748,331,615
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	6,123,145,307,511	6,868,281,646,762
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39,739,887,394	51,235,326,727
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		12,395,124,603,953	10,523,450,385,879
1. Phải trả người bán dài hạn	331		16,304,996,478	16,304,996,478
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		46,525,643,067	46,525,643,067
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	13,887,372,145	13,339,542,145
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19 b,c	12,318,406,592,263	10,447,280,204,189
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CTY
 U
 TRIỂN
 NGHIỆP
 CÔNG
 NGHIỆP



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

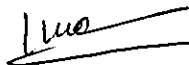
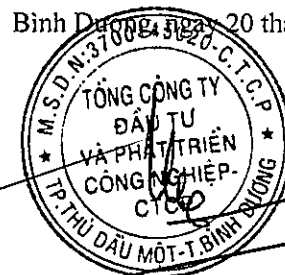
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10,105,518,085,291	9,747,524,797,835
I. Vốn chủ sở hữu	410		10,105,518,085,291	9,747,524,797,835
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	7,951,756,326,147	7,951,756,326,147
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7,951,756,326,147	7,951,756,326,147
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	457,412,532,982	457,412,532,982
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1,362,110,178,212	1,362,110,178,212
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	334,239,047,950	(23,754,239,506)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		334,239,047,950	(23,754,239,506)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45,441,929,113,424	43,461,496,819,190

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểuNguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

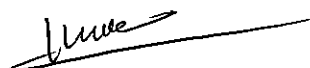
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,378,528,702,161	2,286,348,452,699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	346,088,463,241	346,235,997,700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,032,440,238,920	1,940,112,454,999
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	513,939,002,537	1,008,302,436,464
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		518,501,236,383	931,810,018,535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	52,817,752,996	59,916,151,682
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	122,129,369,291	248,492,045,708
Trong đó: chi phí lãi vay	23		119,879,205,372	246,238,515,041
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	153,143,345,666	229,262,987,355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	47,948,276,229	77,496,713,183
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		248,097,998,193	436,474,423,971
11. Thu nhập khác	31	VI.8	390,058,421,589	390,721,944,781
12. Chi phí khác	32	VI.9	387,098,637,321	387,098,674,564
13. Lợi nhuận khác	40		2,959,784,268	3,623,270,217
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		251,057,782,461	440,097,694,188
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	82,104,406,732	82,104,406,732
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		168,953,375,729	357,993,287,456
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b		



Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

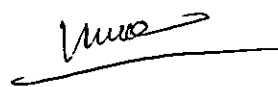
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

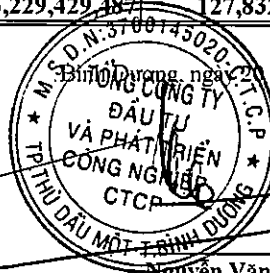
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN II**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC
QUÝ II NĂM 2018**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số Phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	10	38,307,798,999	186,138,878,787	127,741,474,678	96,705,203,108
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	45,731,846,500	94,956,963,804	119,035,424,362	21,653,385,942
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12				
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13				
4. Thuế nhập khẩu	14				
Thuế xuất khẩu					
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(9,106,573,116)	82,104,406,732		72,997,833,616
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp tiến độ		(687,444,864)	396,430,877		(291,013,987)
7. Thuế thu nhập cá nhân	16	4,215,543,046	7,340,626,028	7,463,277,566	4,092,891,508
8. Thuế tài nguyên	17		26,378,800	26,378,800	
9. Thuế nhà đất	18	(1,938,284,501)	1,000,000,000	1,000,000,000	(1,938,284,501)
10. Tiền thuê đất	19		43,215,700	43,215,700	
11. Các loại thuế khác	20	92,711,934	270,856,846	173,178,250	190,390,530
II. Các khoản phải nộp khác	30	(26,954,648,871)	90,550,700	90,550,700	(26,954,648,871)
1. Các khoản phải thu	31				
2. Các khoản phí, phí bảo vệ môi trường	32		90,550,700	90,550,700	
3. Các khoản khác	33				
4. Lợi nhuận nộp ngân sách	34	(26,954,648,871)			(26,954,648,871)
TỔNG CỘNG	40	11,353,150,128	186,229,429,487	127,832,025,378	69,750,554,237

TH/CTP/Đ.T.C.P


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2018

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN III

**THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI,
THUẾ GTGT ĐƯỢC GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã Số	SỐ TIỀN	
		Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4
I. Thuế GTGT được khấu trừ			
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10		7,810,074,141
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	24,989,129,952	42,518,508,918
3. Số thuế GTGT được khấu trừ, đã được hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ (12=13+14+15+16)	12	24,989,129,952	50,328,583,059
Trong đó			
a) Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	24,952,797,299	50,284,983,650
b) Số thuế GTGT đã hoàn lại	14		
c) Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15		
d) Số thuế GTGT không được khấu trừ	16	36,332,653	43,599,409
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ (17 = 10 + 11 - 12)	17	0	0
II. Thuế GTGT được hoàn lại			
1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu kỳ	20		7,810,074,141
2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	21		-7,810,074,141
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22		
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ (23=20+21-22)	23	0	0
III. Thuế GTGT được giảm			
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30		
2. Số thuế GTGT được giảm phát sinh	31		
3. Số thuế GTGT đã được giảm	32		
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ (33=30+31-32)	33		
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	45,731,846,500	-6,233,103,830
2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	153,646,449,173	230,955,909,300
3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	24,952,797,299	50,284,983,650
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43	33,736,688,070	33,749,011,519
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44		0
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa và đã nộp vào ngân sách nhà nước	45	119,035,424,362	119,035,424,362
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	46	21,653,385,942	21,653,385,942
(46 = 40 + 41 - 42 - 43 - 44 - 45)			

TÀI TRƯ
 NG. TP. TH. S.
 CTCP
 H. N.

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2018



[Handwritten signature]

Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu

[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

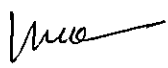
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II Năm 2018

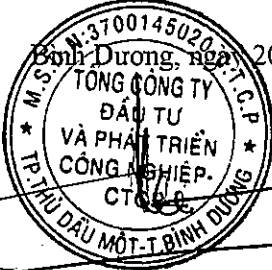
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		251,057,782,461	440,097,694,188
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	15,428,295,377	25,453,242,988
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8,818,027)	(11,246,247)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(52,823,493,792)	(59,919,464,258)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	119,879,205,372	246,238,515,041
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		333,532,971,391	651,858,741,712
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		147,754,620,268	(109,613,227,789)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(1,071,383,252,011)	(1,322,858,510,644)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(89,378,533,531)	465,936,278,702
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,718,786,585	7,087,217,252
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	58,656,693,524	(201,104,076,525)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(2,117,449,898)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1,335,928,000	2,484,208,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(322,141,727,295)	(602,440,694,091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(938,904,513,069)	(1,110,767,513,281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11	(86,995,896,742)	(83,898,096,746)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(14,558,823)	(14,558,823)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(314,673,496,892)	(769,429,450,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	VI.4	54,215,297,936	98,756,261,913
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(347,468,654,521)	(754,585,843,656)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	3,331,523,135,696	4,536,824,946,201
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(1,591,147,727,086)	(2,837,057,914,778)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>1,740,375,408,610</i>	<i>1,699,767,031,423</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		454,002,241,020	(165,586,325,514)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,737,984,628,485	2,357,573,195,019
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2,191,986,869,505	2,191,986,869,505


 Phan Thị Mỹ Kim
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2018

 Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 4, ngày 01 tháng 02 năm 2018.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mù cưa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	78,80%	78,80%	78,80%
Công ty cổ phần phát triển đô thị	C1-2-3 đường DT6, khu liên hợp công nghiệp dịch vụ Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất bê tông trộn sẵn. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và đô thị. Kinh doanh bất động sản.	51%	51%	51%
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Lô I, Đồng Khởi, phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng.	60,70%	60,70%	60,70%
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.	51,82%	51,82%	51,82%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Khám chữa bệnh	65,47%	65,47%	65,47%
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh bê tông. Thi công, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	73,37%	73,37%	73,37%
Công ty cổ phần dược Becamex	Đường NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	51%	51%	51%
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Giáo dục	51%	51%	51%
Công ty cổ phần cao su Bình Dương	Đường ĐT750, xã Cây Trường, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	Nuôi trồng, kinh doanh cao su, mủ cao su	72,22%	72,22%	72,22%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Số 8, đại lộ Hữu Nghị, VSIP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu công nghiệp	49%	49%	49%
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	40%	40%	40%
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư vốn	20%	20%	20%
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Lô Z.01-02-03A khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	21 VSIP II, đường số 1 khu công nghiệp VSIP II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35%	35%	35%
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Lô M2 Lý Thái Tổ, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50%	50%	50%
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đầu tư, kinh doanh cấp và thoát nước	41%	41%	41%
Công ty cổ phần PT Công	Tầng 17 Becamex Tower, 230 đại lộ Bình Dương, Phường Phú	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30%	30%	30%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ngành BW

Hòa-TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình
Dương

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp phát triển công nghiệp Bàu Bàng - Thới Hòa	Khu công nghiệp Bàu Bàng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên	Phòng 1908-09 tầng 19, cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Ban quản lý phát triển khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty có 2.364 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.302 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

121
CÔNG
TỔ
PHÁT
TRIỂN
CÔNG
Nghiệm
Đã

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí vận hành Grand Square, chi phí đồng phục nhân viên và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí vận hành Grand Square

Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Chi phí đồng phục nhân viên

Chi phí đồng phục nhân viên đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định

THẾ
HIỆ
:P
:ĐT-T

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao. quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, các giấy chứng nhận ISO. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của Tổng Công ty và nhà ở xã hội được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

150
NG. C
V. Đ. C
C. P. T
P. TH

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

CT
EP
18

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng trong đôi chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.778.101.478	4.168.917.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	774.461.919.497	96.756.329.404
Các khoản tương đương tiền	1.414.746.848.530	2.256.647.948.519
Cộng	<u>2.191.986.869.505</u>	<u>2.357.573.195.019</u>

(i) Trong đó, khoản tiền gửi 718.782.710.608 VND và 227.738,60 USD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương được cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.20).

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Trong đó, tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu phát hành tại ngân hàng này với số tiền là 180.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20).

2. Các khoản đầu tư tài chính

UWA 74.5.1.11
|| C

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và China Construction Bank Corporation – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	2.291.763.963.000	(9.309.259.040)	2.291.763.963.000	(9.309.259.040)
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật ⁽ⁱ⁾	1.085.540.143.000		1.085.540.143.000	
Công ty cổ phần phát triển đô thị ⁽ⁱⁱ⁾	84.150.000.000		84.150.000.000	
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	607.005.000.000		607.005.000.000	
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương ^(iv)	155.472.580.000		155.472.580.000	
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ^(v)	148.934.000.000	(9.309.259.040)	148.934.000.000	(9.309.259.040)
Công ty cổ phần bê tông Becamex ^(vi)	73.367.040.000		73.367.040.000	
Công ty cổ phần dược Becamex ^(vii)	22.195.200.000		22.195.200.000	
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông ^(viii)	30.600.000.000		30.600.000.000	
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương ^(ix)				
Công ty cổ phần cao su Bình Dương ^(x)	84.500.000.000		84.500.000.000	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.444.217.673.547 (114.665.589.821)		4.674.788.223.547 (114.665.589.821)	
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xi)	461.013.591.047		461.013.591.047	
Công ty cổ phần Setia – Becamex ^(xii)	264.000.000.000	(85.829.412.822)	264.000.000.000	(85.829.412.822)
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất ^(xiii)				
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương ^(xiv)	60.000.000.000		60.000.000.000	
Công ty cổ phần dược phẩm Savi ^(xv)	56.158.252.500	(430.404.697)	56.158.252.500	(430.404.697)
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam ^(xvi)	117.116.380.000	(28.405.772.302)	117.116.380.000	(28.405.772.302)
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(xvii)	3.010.000.000.000		3.010.000.000.000	
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông ^(xviii)	91.500.000.000		91.500.000.000	
Công ty CP nước - môi trường Bình Dương	615.000.000.000		615.000.000.000	
Công ty cổ phần phát triển Công Nghiệp BW	769.429.450.000			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	52.763.530.000		52.763.530.000	
Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xix)	52.025.280.000		52.025.280.000	
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ^(xx)				

VIỆN
CHIẾP
CP
MỘT-T

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex ^(xxi)	738.250.000		738.250.000	
Cộng	7.788.745.166.547	(123.974.848.861)	7.019.315.716.547	(123.974.848.861)

- (i) Trong năm, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật thực hiện hoàn trả 50% vốn góp của cổ đông theo Nghị quyết điều chỉnh giám vốn điều lệ của Công ty số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty nắm giữ 108.033.003 cổ phiếu, tương ứng 78,80% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785535 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị 84.150.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700413826 thay đổi lần thứ 19 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương 607.005.000.000 VND, tương đương 60,70% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 thay đổi lần thứ 11 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương 155.472.580.000 VND, tương đương 51,82% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước 148.934.000.000 VND, tương đương 65,47% vốn điều lệ (trong đó bao gồm số Tổng Công ty tạm thời góp vốn thay cho các bác sỹ và nhân viên của Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước là 10.417.000.000 VND và sẽ chuyển giao lại cho các bác sỹ và nhân viên Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước theo quy định tại điều lệ Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước).
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông Becamex 73.367.040.000 VND, tương đương 73,37% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dược Becamex 20.604.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 thay đổi lần thứ 1 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Trường Đại học Quốc tế Miền Đông 30.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 thay đổi lần thứ 12 ngày 30 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương) 615.000.000.000 VND, tương đương 41% vốn điều lệ. Trong năm Tổng Công ty đã bán 15.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương với giá bán là 382.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty nắm giữ 65.000.000 cổ phiếu, tương đương 41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (số đầu năm là 76.500.000 cổ phiếu, tương đương 51% vốn điều lệ).

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cao su Bình Dương 84.500.000.000 VND, tương đương 72.22% vốn điều lệ.
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 463023000267 thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore 461.013.591.047 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000230 thay đổi lần thứ 4 ngày 05 tháng 01 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (xiii) Trong năm Tổng Công ty đã bán toàn bộ cổ phần đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất với giá bán là 178.313.248.000 VND.
- (xiv) Theo Giấy phép điều chỉnh số 50GP/KDBH thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương 60.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (xv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303923529 thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần được phẩm Savi 5.629.900 cổ phiếu tương đương 35,19% vốn điều lệ.
- (xvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700861497 thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam 117.116.380.000 VND tương đương 48.59% vốn điều lệ .
- (xvii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000756 thay đổi lần thứ 4 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.
- (xviii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701972175 ngày 24 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (xix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000080 thay đổi gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam – Singapore 52.025.280.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ.
- (xx) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702081936 ngày 08 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex 738.250.000 VND, tương đương 12% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển và công nghệ Becamex là 1.661.750.000 VND.
- (xxi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702637282 ngày 23 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển công nghệ BW 769.429.450.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm do Tổng Công ty đang trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi thành công ty cổ phần, nên Tổng Công ty không xem xét trích lập dự phòng thêm cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Cung cấp điện		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	16.613.291.021	
Chi phí các dịch vụ khác		
Nhận cung cấp thi công công trình		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Cung cấp điện	42.567.709	
Cổ tức được chia	841.500.000	
Sang nhượng quyền sử dụng đất	72.204.604.189	
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Tiền điện, cho thuê mặt bằng	138.567.273	
Chuyển nhượng quyền SDD	70.354.541.167	
Mua vật tư	2.842.778.153	
Chi phí dịch vụ	680.000.000	
Chi phí thi công	1.498.168.326	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Phí quản lý, xử lý nước thải	41.421.778	
Sang nhượng quyền sử dụng đất	81.426.577.944	
Cung cấp điện	43.963.636	
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex		
Phí quản lý	65.826.359	
Tiền thuê đất	110.111.207	
Nhập công	8.940.905.044	
Giá trị thi công công trình	26.669.592.117	
Công ty Cổ phần Dược Becamex		
Sang nhượng quyền sử dụng đất		
Phí xử lý nước thải, tiền điện, nước, rác	61.899.485	
Tiền thuê đất		
Cổ tức được chia	4.532.880.000	
Bệnh viện mỹ phước		
Sang nhượng quyền sử dụng đất	13.577.738.549	
Cung cấp điện	187.016.071	

|| P.T / C.P. U.A.T. U.M. 1:11

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>		
Chi hệ chi phí hoạt động – Trung tâm đào tạo		
Nhật ngữ và Toán học	696.509.797	
Chi hệ tiền lương	10.396.716.070	
Chi hệ chi phí hoạt động	10.696.000	
<i>Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương</i>		
Thi công hệ thống	159.460.000	
Cung cấp nước	2.392.000	
Nhập vật tư	55.122.375	
<i>Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (XNCTN)</i>		
Thi công hệ thống		
Cung cấp nước	1.086.290.510	
Nhập vật tư		
<i>Công ty CP xi măng hà tiên kiên giang BECAMEX</i>		
Phí quản lý	19.906.884	
<i>Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore</i>		
Doanh thu các công trình xây dựng	107.949.494	
<i>Công ty TNHH MTV Khách sạn BECAMEX</i>		
Thuê mặt bằng		
Chi phí tiền com khách, thuê phòng	844.629.566	
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại BECAMEX</i>		
Chi phí quản lý	7.749.897.812	
Chi phí vé bay	105.080.909	
Chi phí diên	453.556.383	
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam</i>		
Chi phí thi công cho các công trình	1.965.644.590	
Tiền thuê đất và phí quản lý		
Mua hàng hóa, công cụ dụng cụ		
<i>Công ty TNHH becamex TOKYU</i>		
Phí bảo lãnh		
<i>Công ty CP khoáng sản BECAMEX BMC</i>		
Mua vật liệu	8.160.832.168	
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex</i>		
Chi hệ chi phí hoạt động		
Chi hệ tiền lương		

Số cuối kỳ**Số đầu năm**

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	123.974.848.861	123.974.848.861
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	<u>(123.974.848.861)</u>	<u>(123.974.848.861)</u>

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.597.207.149.016</i>	<i>3.950.356.902.150</i>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	1.741.917.681.212	1.741.917.681.212
Công ty cổ phần phát triển đô thị	23.644.771.440	28.998.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	1.294.527.721.425	1.597.448.998.926
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	499.737.751.855	480.063.398.882
Công ty cổ phần bê tông Becamex	169.391.466	192.473.718
Công ty cổ phần dược Becamex	44.896.372	72.475.901.602
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	1.534.747.783	39.108.441.750
Công ty cổ phần Setia – Becamex	11.471.166.757	11.471.166.757
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam		3.808.998.906
Công ty TNHH một thành viên TM Becamex	9.707.073.313	
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	1.100.000.000	1.772.042.300
Bệnh viện mỹ phước	124.852.847	
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	65.566.381	29.105.077
Công ty cổ phần phát triển công nghiệp BW	11.121.833.145	
Công ty cổ phần nước môi trường BD	2.039.695.020	2.039.695.020
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>3.979.332.298.512</i>	<i>3.977.614.457.976</i>
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	3.169.420.856.152	3.139.420.856.152
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư		
Các khách hàng khác	809.911.442.360	829.545.069.005
Cộng	<u>7.576.539.447.528</u>	<u>7.927.971.360.126</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.677.115.765.958</i>	<i>1.677.197.168.564</i>
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	3.984.289.164	4.065.691.770
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	1.270.092.505.000	1.270.092.505.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	401.977.797.831	401.977.797.831



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	1.061.173.963	1.061.173.963
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.171.192.500</i>	<i>4.275.140.000</i>
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư Các khách hàng khác	1.171.192.500	4.275.140.000
Cộng	<u>1.678.286.958.458</u>	<u>1.681.472.308.564</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>631.611.430.829</i>	<i>614.916.210.897</i>
Công ty cổ phần kinh doanh và PT Bình Dương	624.969.049.070	614.801.645.780
Công ty CP PT và Công nghệ Becamex TIC	618.750.000	
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp việt nam -singapore		
Công ty CP bê Tông Becamex	5.883.017.657	
Công ty Cổ phần nước –Môi trường BD	140.614.102	114.565.117
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>139.485.736.529</i>	<i>97.733.867.303</i>
Cộng	<u>771.097.167.358</u>	<u>712.650.078.200</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 5%/năm	5.500.000.000	5.500.000.000
Cho Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ và đầu tư vay với lãi suất 5%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>25.500.000.000</u>	<u>25.500.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.303.438.321.247</i>	<i>-</i>	<i>3.869.105.627.121</i>	<i>-</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.312.109.287.886		3.327.022.701.734	
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	591.017.025.302		591.017.025.302	
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	12.437.806.400		10.883.080.600	
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	351.518.225.000		348.483.200.000	
Công ty cổ phần phát triển đô thị			7.573.500.000	
Công ty cổ phần bê tông Becamex	13.206.067.200		13.206.067.200	
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	2.333.483.313.984		2.336.259.828.632	
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương			15.375.000.000	
Công ty cổ phần dược Becamex	4.532.880.000			
Công ty cổ phần cao su Bình dương	4.225.000.000		4.225.000.000	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Công ty cổ phần dược phẩm savi</i>	1.688.970.000			
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Lãi chậm trả cổ tức	59.316.410.511		59.316.410.511	
Công ty PTHKT Bình phước	28.328.354.400			
Công ty cổ phần hạ tầng kỹ thuật - Lãi chậm trả cổ tức	125.121.285.028		125.121.285.028	
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	8.000.000.000		8.000.000.000	
Công ty cổ phần cao su Bình dương	417.128.727			
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu chi hộ lương cho nhân viên	174.331.894.206		163.938.178.136	
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu chi hộ chi phí hoạt động	95.330.168.402		94.861.068.402	
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu chi hộ chi phí hoạt động Trung tâm nhật ngữ	9.671.201.948		8.481.391.569	
Công ty CP BVĐKQT Becamex	490.812.590.139		82.364.591.741	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	160.300.525.589		277.497.489.951	
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	2.683.611.111		21.069.993.511	
Phải thu thanh lý khoản đầu tư	14.420.000.000		82.600.020.000	
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	49.698.357.457		57.808.023.901	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	9.132.318.480		9.423.332.467	
Thuế thu nhập cá nhân				
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.857.803.123		1.681.309.657	
Tạm ứng chi phí công tác	37.715.665.251		40.633.678.539	
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	90.000.000		90.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	44.702.770.167		64.191.131.876	
Cộng	4.463.738.846.836		4.146.603.117.072	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	61.416.787.924		44.465.312.874	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	18.330.163.025.790		17.028.806.896.605	
Công cụ dụng cụ				
Thành phẩm	86.019.230		86.019.230	
Hàng hóa	1.516.594.559.927		1.512.043.653.518	
Cộng	19.908.260.392.871		18.585.401.882.227	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tổng Công ty là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.20).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.781.272.325	5.951.727.033
Chi phí thuê nhà, văn phòng	0	346.625.000
Chi phí đồng phục nhân viên	0	479.417.000
Chi phí Quảng cáo	7.333.336	44.000.001
Chi phí phần mềm	130.800.000	150.245.233
Chi phí tư vấn		2.207.500.000
Chi phí khấu hao		
Chi phí bảo hiểm xe	173.081.198	317.315.533
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	878.099.064	1.398.642.666
Cộng	3.970.585.923	10.895.472.466

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí nguyên vật liệu		
Chi phí Công cụ, dụng cụ	4.815.577.206	4.898.712.210
Chi phí lắp đặt hệ thống mạng	46.062.696	68.562.285
Các chi phí trả trước dài hạn khác	96.080.575	152.776.691
Cộng	4.957.720.477	5.120.051.186

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	218.599.989.863	35.744.488.621	284.565.189.303	35.358.061.094		574.267.728.881
Mua trong năm	80.064.901.898	2.482.794.000	30.362.363.598	37.800.000		112.947.859.496
Đầu tư XDCB hoàn thành						
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác (đánh giá lại TSCĐ)						
Số cuối kỳ	298.664.891.761	38.227.282.621	314.927.552.901	35.395.861.094		687.215.588.377
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	97.861.650.861	29.866.009.304	228.796.162.268	30.195.024.823		386.718.847.256
Khấu hao trong năm	7.567.970.152	1.765.311.913	6.506.360.570	1.449.929.858		17.289.572.493
Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác (đánh giá lại TSCĐ)						
Số cuối kỳ	105.429.621.013	31.631.321.217	235.302.522.838	31.644.954.681		404.008.419.749

Giá trị còn lại

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
Số đầu năm	120.738.339.002	5.878.479.317	55.769.027.035	5.163.036.271		187.548.881.625
Số cuối kỳ	193.235.270.748	6.595.961.404	79.625.030.063	3.750.906.413		283.207.168.628

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.078.157.651	8.436.169.389	415.364.130	38.929.691.170
Mua trong năm				
Số cuối kỳ	30.078.157.651	8.436.169.389	415.364.130	38.929.691.170

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	2.440.552.264	6.511.807.538	415.364.130	9.367.723.932
Khấu hao trong năm	329.804.360	372.735.905		702.540.265
Số cuối kỳ	2.770.356.624	6.884.543.443	415.364.130	10.070.264.197

Giá trị còn lại

Số đầu năm	27.637.605.387	1.924.361.851		29.561.967.238
Số cuối kỳ	27.307.801.027	1.551.625.946		28.859.426.973

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	601.357.520.117	38.444.740.395	562.912.779.722
Mua mới trong kỳ			
Giảm trong kỳ	6.710.592.519	(6.710.592.519)	
Kết chuyển từ CPXD nhà xưởng	24.955.459.270		24.955.459.270
Giảm nguyên giá, giá trị còn lại			
Khấu hao trong kỳ		7.461.130.230	7.461.130.230
Số cuối kỳ	569.691.468.328	39.195.278.106	530.496.190.222

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
------------	----------------	-----------------

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Khách sạn Becamex	184.338.675.220	16.129.634.090	168.209.041.130
Becamex Tower tầng 15,16,17	250.260.603.705	11.460.445.985	238.800.157.720
Nhà ở xã hội	128.876.474.090	9.501.205.867	119.375.268.223
Nhà xưởng Bàu Bàng			
Tài sản của bất động sản đầu tư	<u>6.215.715.313</u>	<u>2.103.992.164</u>	<u>4.111.723.149</u>
Cộng	<u>569.691.468.328</u>	<u>39.195.278.106</u>	<u>530.496.190.222</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	12.629.082.507	21.179.718.140	21.007.818.140		12.800.982.507
Xây dựng cơ bản dở dang	<u>4.105.408.000</u>				<u>4.105.408.000</u>
Cộng	<u>16.734.490.507</u>	<u>21.179.718.140</u>	<u>21.007.818.140</u>		<u>16.906.390.507</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i><u>501.595.436.194</u></i>	<i><u>597.015.901.497</u></i>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	72.446.930.469	59.270.264.060
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	376.274.339.617	398.576.339.174
Công ty cổ phần bê tông Becamex		42.154.429.934
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương		341.871.300
Xi nghiệp TV cấp thoát nước môi trường BD	160.164.600	160.164.600
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	20.436.911.636	61.401.434.861
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	14.294.932.847	5.327.399.683
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	481.759.830	1.345.492.068
Chi nhánh CTY TNHH MTV KS Becamex	552.474.803	1.466.306.377
Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Việt	2.391.806.136	2.391.806.936
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		46.607.900
Công ty cổ phần kinh doanh Đầu tư Bình Dương	9.400.000.000	9.400.000.000
Trường ĐH QT Miền Đông	566.374.000	
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	337.245.800	337.245.800
Bệnh viện Đa khoa QT becamex	103.032.000	
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	1.342.272.710	13.203.869.468
Công ty CP đá ốp lát An Bình	499.213.000	300.960.000
Xi nghiệp xử lý chất thải-Công ty TNHH cấp thoát nước	1.161.378.746	1.291.710.046
Công ty TNHH xe buýt Tokyu	1.146.600.000	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i><u>129.430.350.974</u></i>	<i><u>133.419.633.827</u></i>
Cộng	<u>631.025.787.168</u>	<u>730.435.535.324</u>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13b. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty Cty CP phát triển hạ tầng kỹ thuật.	16.304.996.478	16.304.996.478
Cộng	16.304.996.478	16.304.996.478

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>60.491.584.914</i>	<i>7.104.495.829</i>
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		2.844.997.824
Công ty cổ phần TV DV Đầu Tư	33.001.030.395	
Công ty cổ phần cao su Bình dương	24.259.498.005	4.259.498.005
Công ty CP CN truyền thông Việt nam	3.231.056.514	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.747.527.064.880</i>	<i>1.017.351.013.215</i>
Các hộ khu dân cư Thới Hòa ứng trước tiền mua đất	26.571.848.379	22.851.294.616
Các nhà đầu tư khu công nghiệp	1.720.955.216.501	994.499.718.599
Cộng	1.808.018.649.794	1.024.455.509.044

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		6.233.103.830	146.921.914.134	119.035.424.362	21.653.385.942	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		9.106.573.116	82.104.406.732		72.997.833.616	
Thuế TNDN tạm nộp cho số tiền nhận ứng trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.117.449.898		(291.013.987)	2.117.449.898		291.013.987
Thuế thu nhập cá nhân	7.336.798.712		12.793.682.370	16.037.589.574	4.092.891.508	
Thuế tài nguyên			26.378.800	26.378.800		
Thuế sử dụng đất		1.938.284.501	1.000.000.000	1.000.000.000		1.938.284.501
Tiền thuê đất			43.215.700	43.215.700		
Các loại thuế khác			398.083.786	207.693.256	190.390.530	
Các khoản phí, phí bảo vệ môi trường			308.880.500	308.880.500		
Các khoản khác						
Lợi nhuận nộp ngân sách		26.954.648.871				26.954.648.871
Cộng	9.454.248.610	44.232.610.318	243.305.548.035	138.776.632.090	98.934.501.596	29.183.947.359

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mùn cao su thô, đền bù, giải phóng mặt bằng	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt	5%
- Các hoạt động khác	10%

Riêng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 5% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Tổng Công ty được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản

Tổng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	20.300.691.233	20.904.373.055
Phải trả người lao động khác	6.533.697.578	6.632.857.218
Cộng	26.834.388.811	27.537.230.273

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex – Phải trả phí dịch vụ		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.936.432.525.629	13.170.703.227.285
Chi phí lãi vay phải trả	329.698.215.936	284.563.777.420
Trích trước giá vốn các dự án	12.559.299.500.035	12.885.407.703.566
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2017		240.000.000
Trích trước tiền tài trợ V-League		
Chi phí phải trả khác	47.434.809.658	491.746.299
Cộng	<u>12.936.432.525.629</u>	<u>13.170.703.227.285</u>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Tiền thuê đất nhận trước tại các khu CN	47.153.177.568	50.196.222.903
	<u>47.153.177.568</u>	<u>50.196.222.903</u>

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	493.697.157.678	493.697.157.678
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật - Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	472.430.287.054	472.430.287.054
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật - Tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	20.093.295.717	20.093.295.717
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật - Tiền phí DV quản lý CC Sunrise	1.173.574.907	1.173.574.907
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	782.830.684.098	811.051.173.937
Kinh phí công đoàn	4.476.062.163	4.916.878.005
Bảo hiểm xã hội		
Tài sản thừa chờ xử lý	1.714.682.707	1.714.682.707
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.312.378.000	1.285.785.000
Phải trả về cổ phần hóa	757.227.098.000	757.227.098.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.100.463.228	45.906.730.225
Cộng	<u>1.276.527.841.776</u>	<u>1.304.748.331.615</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	777.840.000	737.840.000
Công ty cổ phần xây dựng giao thông Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	332.840.000	312.840.000
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật – Nhận ký quỹ dài hạn	230.100.000	210.100.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	214.900.000	214.900.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	13.109.532.145	12.601.702.145
Cộng	<u>13.887.372.145</u>	<u>13.339.542.145</u>

TH/CTP/ĐP/ĐQ: 1/2018

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.648.254.307.511	3.614.583.646.762
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱ⁾</i>	2.986.036.932.994	2.700.183.701.528
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai⁽ⁱⁱ⁾</i>	23.940.000.000	285.0000000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	50.000.000.000	100.000.000.000
<i>Ngân hàng China Contrustion-CNHCM</i>	246.150.000.000	
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương^(iv)</i>	191.420.916.550	329.473.722.289
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á^(v)</i>	150.706.457.967	199.926.222.945
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	96.891.000.000	89.668.000.000
<i>Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương^(vi)</i>	4.000.000.000	
<i>Huy động vốn của các cá nhân^(vii)</i>	92.891.000.000	89.668.000.000
<i>Ngân hàng PG Bank Việt nam</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)		626.030.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>		60.000.000.000
<i>Ngân hàng China Contrustion-CNHCM</i>		246.150.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>		120.000.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai</i>		47.880.000.000
<i>Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương</i>		152.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	2.378.000.000.000	2.538.000.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu petrolimex</i>	36.000.000.000	36.000.000.000
- <i>Mệnh giá trái phiếu</i>		
- <i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>		
<i>Công ty bảo Hiểm AIA</i>	80.000.000.000	80.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế –CN Bình Dương</i>		100.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Bán Việt –CN Bình Dương</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Ngân hàng Công Thương VN–CN Đồng Nai</i>	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
<i>Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển VN–CN Bình Dương</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV QLQ NHTMCP Công Thương</i>	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Vietnam DEBT FUND SPC</i>	30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Ngân Hàng TMCP Tiên Phong</i>		60.000.000.000
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm nhân thọ SUNLIFE</i>	12.000.000.000	12.000.000.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viet nam		
Ngân Hàng TMCP Quân đội-CN Bình Dương	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	<u>6.123.145.307.511</u>	<u>6.868.281.646.762</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	3.493.199.313.200	1.777.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	305.000.000.000	305.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾		250.000.000.000
Ngân hàng thương mại CP Á châu	1.769.274.313.200	
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	374.150.000.000	374.150.000.000
Ngân hàng China Construction Bank	724.775.000.000	847.850.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội -CN Bình Dương	320.000.000.000	
Vay Quỹ đầu tư và phát triển Bình Dương ^(vi)	216.629.057.474	71.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn	8.608.578.221.589	8.599.280.204.189
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(vii)	1.992.200.000.000	1.989.800.000.000
- Mệnh giá trái phiếu	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(7.800.000.000)	(10.200.000.000)
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(vii)	994.150.666.667	992.920.666.667
- Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.849.333.333)	(7.079.333.333)
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương IDC(2020)	1.073.682.720.000	1.072.354.320.000
- Mệnh giá trái phiếu	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(6.317.280.000)	(7.645.680.000)
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam ^(xi)	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		
- Chi phí phát hành trái phiếu		
Ngân hàng TNHH Indochina ^(xi)	100.000.000.000	100.000.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		
- Chi phí phát hành trái phiếu		
Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt ^(xii)	279.073.863.014	278.953.863.014
- Mệnh giá trái phiếu	280.000.000.000	280.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(926.136.986)	(1.046.136.986)
Ngân hàng liên doanh Việt – Nga	397.660.266.667	397.168.266.667
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	400.000.000.000

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.339.733.333)	(2.831.733.333)
Ngân hàng TMCP xăng dầu PETROLIMEX	39.536.931.507	
- Mệnh giá trái phiếu	40.000.000.000	
- Chi phí phát hành trái phiếu	(463.068.493)	
Ngân hàng TNHH Indovina^(xiii)	198.830.133.333	198.584.133.333
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.169.866.667)	(1.415.866.667)
Ngân hàng TMCP Bảo Việt^{IDC (2020)}	298.245.200.000	297.876.200.000
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	300.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.754.800.000)	(2.123.800.000)
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Ngân Lược^(xiii)	19.883.013.333	19.858.413.333
- Mệnh giá trái phiếu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(116.986.667)	(141.586.667)
Ngân hàng TNCP Bảo Việt	147.983.835.616	147.683.835.616
- Mệnh giá trái phiếu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.016.164.384)	(2.316.164.384)
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA VN	130.225.775.343	129.961.775.343
- Mệnh giá trái phiếu	132.000.000.000	132.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.774.224.657)	(2.038.224.657)
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và PT VN –CH Bình Dương	295.967.671.233	295.367.671.233
- Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	300.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(4.032.328.767)	(4.632.328.767)
Ngân hàng TMCP Quốc tế –CN Bình Dương	395.456.046.027	394.868.535.152
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	400.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(4.543.953.973)	(5.131.464.848)
Công ty TNHH Bảo hiểm AIA VN	134.425.567.123	134.221.567.123
- Mệnh giá trái phiếu	136.000.000.000	136.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.574.432.877)	(1.778.432.877)
Công ty TNHH MTV QLQ NH TMCP CT	39.536.931.507	39.476.931.507
- Mệnh giá trái phiếu	40.000.000.000	40.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(463.068.493)	(523.068.493)
Công ty TNHH Bảo hiểm AIA VN	7.895.879.452	7.883.879.452
- Mệnh giá trái phiếu	8.000.000.000	8.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(104.120.548)	(116.120.548)
Ngân hàng TMCP xăng dầu PETROLIMEX	102.646.432.877	141.967.364.384
- Mệnh giá trái phiếu	104.000.000.000	144.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.353.567.123)	(2.032.635.616)
VietNam Debt Fund SPC	118.610.794.521	118.430.794.521
- Mệnh giá trái phiếu	120.000.000.000	120.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.389.205.479)	(1.569.205.479)
Công ty TNHH BH nhân thọ SUNLIFE VN	47.375.276.712	47.303.276.712
- Mệnh giá trái phiếu	48.000.000.000	48.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(624.723.288)	(696.723.288)
Ngân hàng TMCP QUÂN ĐỘI –CN BD	157.917.589.041	157.677.589.041

M.S.D.N: 3700

LƯƠNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Mệnh giá trái phiếu	160.000.000.000	160.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.082.410.959)	(2.322.410.959)
Ngân hàng TMCP Bản Tiên Phong	237.273.627.616	236.921.121.091
- Mệnh giá trái phiếu	240.000.000.000	240.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.726.372.384)	(3.078.878.909)
Cộng	<u>12.318.406.592.263</u>	<u>10.447.280.204.189</u>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.638.828.370.674		3.638.828.370.674	
Vay dài hạn các tổ chức khác	71.000.000.000		38.000.000.000	33.000.000.000
Trái phiếu thường	10.986.578.221.589	2.378.000.000.000	8.608.578.221.589	
Cộng	<u>14.696.406.592.263</u>	<u>2.378.000.000.000</u>	<u>12.285.406.592.263</u>	<u>33.000.000.000</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.251.030.000.000	474.030.000.000	1.529.370.000.000	247.630.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	223.000.000.000	152.000.000.000	38.000.000.000	33.000.000.000
Trái phiếu thường	11.137.280.204.189	2.538.000.000.000	8.599.280.204.189	
Cộng	<u>13.611.310.204.189</u>	<u>3.164.030.000.000</u>	<u>10.166.650.204.189</u>	<u>280.630.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Chuyển quỹ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	49.370.242.786		48.100.000	7.642.794.500		41.775.548.286
Quỹ phúc lợi	1.560.078.641			3.595.739.533		(2.035.660.892)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	305.005.300			305.005.300		
Cộng	<u>51.235.326.727</u>		<u>48.100.000</u>	<u>11.543.539.333</u>		<u>39.739.887.394</u>

21. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu.

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ ĐTPT	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
A	1	2	3	4	5

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Số dư đầu năm trước Tăng vốn trong năm nay - Lãi trong năm nay - Cán trừ phải thu quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần nước-Môi trường BD - Thu tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần nước-môi trường BD - Trích lập quỹ ĐTPT - Trích lập quỹ PLKT - Trích quỹ thương BDH - Lợi nhuận nộp NS					
Số dư đầu năm nay	7.951.756.326.147	457.412.532.982	1.362.110.178.212	(23.754.239.506)	9.747.524.797.835
- Tăng vốn trong năm nay -Lãi trong qui II - Trích lập quỹ ĐTPT - Trích lập quỹ PLKT - Trích quỹ thương BDH - Lợi nhuận nộp NS -Thu CPH công ty Cao su - Giảm vốn trong năm nay - Lỗ trong năm nay				357.993.287.456	357.993.287.456
Số dư cuối kỳ	7.951.756.326.147	457.412.532.982	1.362.110.178.212	334.239.047.950	10.105.518.085.291

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 252.989,16 USD (số đầu năm là 392.721,63 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Tổng doanh thu*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh bán thành phẩm	1.220.123.437.541	
Doanh thu bất động sản đầu tư	12.851.272.674	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.596.402.345	
Doanh thu khác	89.957.589.601	
Cộng	<u>1.378.528.702.161</u>	

(i) Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	344.600.143.868	
Giảm giá hàng bán	1.488.319.373	
	<u>346.088.463.241</u>	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh thành phẩm	425.518.506.778	
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	4.596.831.833	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.939.953.228	
Giá vốn hoạt động khác	67.883.710.698	
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ		
Cộng	<u>513.939.002.537</u>	

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	23.233.274.441	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.575.660.528	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.818.027	
Cộng	<u>52.817.752.996</u>	

3. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	119.879.205.192	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.135.047	
Chi phí tài chính khác	2.242.029.052	
Cộng	<u>122.129.369.291</u>	

4. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	32.014.842.134	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.438.505.761	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.864.918.140	
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	48.870.573.566	
Chi phí điện, nước, viễn thông	10.264.452.342	
Các chi phí khác	32.690.053.723	
Cộng	<u>153.143.345.666</u>	

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.146.224.877	
Chi phí vật liệu quản lý	1.079.508.898	
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.925.244.984	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.027.146.045	
Thuế, phí và lệ phí	1.393.318.046	
Tiền ăn, phụ cấp	5.711.774.526	
Chi phí giao tế, tiếp khách	1.928.922.050	
Các chi phí khác	10.736.136.803	
Cộng	<u>47.948.276.229</u>	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	1.679.329.292	
Thanh lý TSCĐ	165.000.000	
Thu nhập khác	388.214.092.297	
Cộng	<u>390.058.421.589</u>	

7. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí TSCĐ	150.441.177	
Chi phí tiền thù lao	55.000.000	
Chi phí khác	386.903.892.144	
Cộng	<u>387.098.637.321</u>	

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.215.621.875	
Chi phí nhân công	64.141.480.431	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.983.813.727	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.548.562.586.232	
Chi phí khác	660.713.774	
Cộng	<u>2.667.564.216.039</u>	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty con
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty con
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty con
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con
Công ty cổ phần cao su Bình Dương	Công ty con
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty cổ phần phát triển công nghiệp BW	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật
Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần bê tông Becamex
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Công ty con của Công ty cổ phần bê tông Becamex
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết của Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương

Công nợ với các bên liên quan khác

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

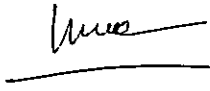
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính Tổng công ty chưa được phê duyệt quyết toán chuyển giao sang Công ty Cổ phần, do đó số liệu báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là số liệu chuyển tiếp chưa được điều chỉnh.

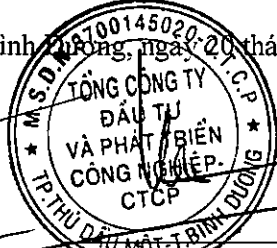


Phan Thị Mỹ Kim
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2018



Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám Đốc



